

Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)				153.20	153.50	153.90	154.35	154.65	154.65
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)					8.38	8.12	7.75	7.32	6.85
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					5.38	4.12	3.75	5.32	6.85
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	652.80	952.78	952.78	652.80	652.80	652.80	652.80	652.85	652.85
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.80	0.60	1.00	1.00	0.99	0.90	0.78	0.63	0.47
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				68.90	68.91	68.93	68.93	68.94	68.96
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				10.16	11.93	10.36	9.55	10.59	11.53
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				9.00	9.00	9.00	9.00	9.00	9.00
Núi Một	Mức nước (H, m)				37.20	37.20	37.20	37.20	37.20	37.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.70	0.69	0.65	0.59	0.52	0.45
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				60.62	60.45	60.45	60.50	60.50	60.50
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.23	0.30	0.28	0.24	0.20	0.15
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				80.30	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.92	24.85	24.85	24.85	24.80	24.80
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				33.47	32.78	31.99	30.97	29.81	28.56
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				33.47	33.47	33.47	33.47	33.47	33.47

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0.00 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 0.00 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	0.00	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:		m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	153.20	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	652.80	m
- Lưu lượng đến hồ:	1.00	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	68.90	m
- Lưu lượng đến hồ:	10.16	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	37.20	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.70	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	60.62	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.23	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.92	m
- Lưu lượng đến hồ:		m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa